

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 15-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng Hải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, sinh năm 1992, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng Cộng sản đã bị đình chỉ sinh hoạt; Con ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1964 và bà Tống Thị T1, sinh năm 1965; Có vợ là Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2024 đến ngày 18/9/2024, đang tại ngoại – Có mặt.

Bị hại: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 đến tháng 6 năm 2022, gia đình Nguyễn Đình T nhận chị Đỗ Thị P đến học nghề chế nước, nấu mì cay. Quá trình học nghề thì chị P ở

trong nhà của gia đình T. Khi chị P sinh hoạt trong nhà của T, chị P đi tắm thì T ở ngoài quan sát nên T nảy sinh ý định quay video việc chị P tắm để xem. Trước khi chị P vào tắm, T sử dụng điện thoại Samsung Galaxy M32 bật sẵn chế độ quay phim, đặt điện thoại vào trong một túi nilông và treo lên móc treo ở gần cửa, camera của điện thoại hướng vào trong phòng tắm. Khi chị P tắm xong thì T vào phòng tắm lấy điện thoại, sử dụng ứng dụng Cap Cut cắt video chỉ giữ lại cảnh chị P tắm đồng thời sử dụng chế độ tự quay video màn hình điện thoại để ghi lại đoạn video vừa chỉnh sửa, khi cắt video xong T tạo tài khoản Facebook “Phạm V” bằng số điện thoại 0392.620.xxx và đăng nhập trên máy tính bàn rồi sử dụng tài khoản Facebook “Phước T” trên điện thoại gửi đoạn video vừa cắt qua tài khoản Facebook “Phạm V”, gửi xong T xóa video gốc trên điện thoại và tải đoạn video quay chị P về máy tính lưu vào thư mục “Mu HN” trên màn hình của máy tính, khi sao chép qua máy tính bàn T có xem lại 1-2 lần thì không xem nữa và cũng không gửi cho ai hay đăng lên những trang mạng xã hội. Sau khi chị P học nghề ở nhà T xong thì về xã N, huyện K mở quán riêng. Sau khi chị P mở quán, T có đến quán của chị P và cảm thấy chị P có thái độ không biết ơn vợ chồng T.

Ngày 09/9/2024, T sử dụng máy tính bàn chơi game và thấy lại đoạn video quay lên chị P tắm nên nảy sinh ý định sử dụng đoạn video này đe dọa chị P. T sử dụng tài khoản Facebook “Phạm V” gửi video chị P tắm qua tài khoản Facebook “Phước Thiện” trên điện thoại rồi sử dụng ứng dụng Cap Cut cắt từ video ra 03 hình ảnh chị P tắm và xóa hết nền của hình ảnh để tránh bị phát hiện. Khi chỉnh sửa xong, T đăng nhập tài khoản Facebook “Phạm V” trên điện thoại và bắt đầu nhắn tin với tài khoản Facebook tên “Hoàng P1” của chị P1 để đe dọa. Đầu tiên, T nhắn hỏi xem chị P1 có nhận ship (giao hàng) đồ ăn hay không? (mục đích là để chị P1 xem và trả lời tin nhắn) thì chị P1 nhắn tin trả lời T, sau đó T gửi 01 (một) hình ảnh trong số 03 (ba) hình ảnh khỏa thân của chị P1 cho chị P1 rồi nhắn “nhìn hình này quen quen. có phải là bạn ko. nhìn đẹp thiệt”, chị P1 phủ nhận hình ảnh và nói không phải chị P1 thì T tiếp tục gửi thêm 02 (hai) ảnh khỏa thân của chị P1 cho chị P1, biết đây là hình ảnh cá nhân nhạy cảm của mình nên chị P1 hỏi T muốn gì thì T nhắn tin đưa ra cho chị P1 ba lựa chọn: Một là đi khách sạn với T ba lần, hai là chuyển khoản cho T số tiền là 10.000.000 đồng, ba là khi nào T gọi điện video thì chị P1 phải cho T xem hình nude (khỏa thân) của chị P1. Khi nghe T nói như vậy thì chị P1 nhắn chưa có tiền để đưa T, T và chị P1 nhắn tin nói chuyện vừa trên Facebook, vừa trên ứng dụng Zalo (chị P1 cho T số điện thoại đăng ký Zalo là: 0348.351.443 để T kết bạn, T lập một tài khoản Zalo mang tên “Phạm V” bằng số điện thoại 0392.620.403, không sử dụng ảnh đại diện để nhắn tin với chị P1). Khi gửi hình ảnh cho chị P1 xong T sử dụng tài khoản Facebook “Phước Thiện” gửi video và hình ảnh đã cắt qua tài khoản Facebook “Phạm V” đăng nhập trên máy tính bàn lưu lại và xóa toàn bộ video, hình ảnh trên điện thoại.

T liên tục nhắn tin đe dọa chị P1 từ ngày 09/9/2024 đến chiều ngày 10/9/2024, chị P1 nói T đưa số tài khoản để chị P1 chuyển tiền thì T có gọi cho Hà Văn C1 (Sinh năm 1991, trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) để hỏi số tài khoản của C nhờ tài khoản của C nhận tiền trả nợ, C đồng ý và cho T số tài khoản của C1 để chị P1 chuyển tiền. Khi có được số tài khoản ngân hàng số 91686868686879 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB) của C, T gửi cho chị P1, chị P1 chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng từ số tài khoản 15509637 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A) qua tài khoản của C1 rồi chụp màn hình lại nội dung chuyển khoản và gửi qua Z cho T. Sau khi nhận được tiền của chị P1, C chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản: 4801234566789 mở tại Ngân hàng M của Nguyễn Đình T. Sau khi nhận được số tiền 2.000.000 đồng, T vẫn tiếp tục nhắn tin đe dọa chị P1, yêu cầu chị P1 chụp ảnh khoả thân đang tắm để gửi cho T, hoặc di nhà nghỉ, hoặc tiếp tục chuyển hết số tiền 8.000.000 đồng còn lại. Để đe dọa chị P1, T soạn một bài viết bằng tài khoản Facebook “Phạm V” với nội dung “N chuẩn bị có scandal” nhưng không đăng tải nội dung bài viết và chụp ảnh màn hình gửi sang cho chị P1, T nhắn tin nói chuyện với cô của chị P1 có tài khoản Facebook “Tô L”, mẹ của chị P1 tên V1 có tài khoản Facebook “Vân V” và chụp hình tin nhắn gửi cho chị P1 để đe dọa nếu P1 không thực hiện theo yêu cầu của T thì T sẽ gửi hình ảnh khoả thân của P1 cho người thân trong gia đình chị P1 và đăng hình lên mạng xã hội. Đến sáng ngày 12/9/2024, T tiếp tục nhắn tin cho chị P1 đe dọa, ép buộc chị P1 phải chụp hình khoả thân gửi cho T hoặc chuyển số tiền còn lại nếu không T sẽ đăng tải các hình ảnh khoả thân của chị P1 lên mạng xã hội, do lo sợ hình ảnh cá nhân của mình bị T gửi cho người khác hoặc đăng lên mạng xã hội nên chị P1 tiếp tục chuyển số tiền 2.000.000 đồng nữa cho T vào số tài khoản của Hà Văn C. Trong quá trình T nhắn tin với chị P1 thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện K giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Khi C nhận được tiền có báo với T nhưng không thấy trả lời, khi T làm việc với Cơ quan CSĐT được biết chị P1 đã chuyển 2.000.000 đồng cho C.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS- KrN, ngày 20/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Krông Nô giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Đình T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của BLHS. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Đình T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 3 Điều 47 của BLHS; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 748/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 05/11/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô, trả lại cho chị Đỗ Thị P số tiền 4.000.000 đồng theo biên bản trả lại tài sản ngày 05/11/2024.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY M32, màu xanh, đã qua sử dụng có số seri: RF8R91885TE, số IMEI 1: 359093385444932, số IMEI 2: 359768845444933 được niêm phong trong bì thư có ký hiệu “Samsung Galaxy M32”, có đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh Đ và chữ ký của các bên; 01 (một) CPU màu đen, phía trước có chữ eMaster, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) màn hình máy tính để bàn nhãn hiệu AOC, phía sau màn hình có ký hiệu: TFCJN27YFVA2HNF.LF, BDLD99A004745Y8, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; 02 (hai) dây điện màu đen kết nối nguồn điện; 01 (một) dây điện màu đen, hai đầu nối màu trắng, dùng để kết nối CPU và màn hình máy.

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 (một) USB chứa các tệp tin gửi giám định hoàn trả cơ quan trung cầu được niêm phong trong bì thư dán kín, bên ngoài có ghi “ký hiệu USB”, có chữ ký của những người liên quan và đóng dấu giáp lai của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đ; 01 (một) USB dung lượng 4GB, ký hiệu DTSE9 chứa các tệp tin gửi giám định hoàn trả cơ quan trung cầu được niêm phong trong bì thư trắng dán kín, đóng dấu của phòng K Công an tỉnh Đ và có chữ ký của các bên có chứa 01 tệp tin video và 09 tệp tin hình ảnh từ máy tính để bàn của Nguyễn Đình T và 01 (một) USB màu đen, nhãn hiệu Lexar, dung lượng 64GB (bên trong lưu giữ tệp tin “VỤ 81-2024.rar”, dung lượng 40,6GB, mã MD5: 3EF5233E5ED2A6BC9A800F05C035 893A) được niêm phong trong bì thư, bên ngoài có ghi “USB kèm theo KLGD số 508 ngày 05/11/2024”.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình truy tố bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không bào chữa gì mà xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 09 đến ngày 12/9/2024, tại huyện K, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Đình T sử dụng hình ảnh cá nhân nhạy cảm của chị Đỗ Thị P mà T quay lén được vào năm 2022 để nhắn tin qua mạng xã hội Facebook và Z đe dọa, ép buộc chị P chuyển cho T số tiền 10.000.000 đồng, nếu không T sẽ gửi hình ảnh nhạy cảm của chị P lên mạng xã hội hoặc gửi cho những người thân trong gia đình chị P xem, do lo sợ hình ảnh cá nhân của mình bị T gửi cho người khác xem nên chị P đã chuyển cho T số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 10/9/2024 và khi bị cáo đang bị bắt tạm giữ, chị P tiếp tục chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản của anh C vào ngày 12/9/2024, anh C chưa chuyển số tiền này cho bị cáo. Như vậy với hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của BLHS.

VKSND huyện Krông Nô truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của BLHS là có căn cứ pháp lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tinh thần, tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và

được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo được Ủy ban nhân dân huyện E tặng giấy khen trong đợt công tác cứu hộ, cứu nạn tại huyện E. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về mức hình phạt: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và năng lực hành vi, nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên do mục đích thấp hèn của bản thân nên bị cáo dùng thủ đoạn, lời nói, hình ảnh khoả thân để đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại buộc bị hại làm theo yêu cầu của mình. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản, công sức của người khác. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có tài sản và thu nhập (Bút lục 59) nên cần chấp nhận đề nghị của VKS phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với số tiền 4.000.000 đồng của chị Đỗ Thị P là chủ sở hữu hợp pháp, việc trả lại là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 điều 46 của BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS nên cần chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT - Công an huyện K.

[8.2] Đối với đề nghị tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY M32 và 01 (một) CPU màu đen bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội do có chứa các hình ảnh, video nhạy cảm phù hợp với Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a, c khoản 1 điều 47 của BLHS nên cần chấp nhận.

[8.3] Đối với đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) màn hình máy tính để bàn nhãn hiệu AOC; 02 (hai) dây điện màu đen kết nối nguồn điện; 01 (một) dây điện màu đen, hai đầu nối màu trắng bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và còn giá trị sử dụng phù hợp với Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 điều 47 của BLHS nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8.4] Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 (một) USB bên ngoài có ghi “ký hiệu USB”; 01 (một) USB dung lượng 4GB, ký hiệu “DTSE9” và 01 (một) USB màu đen, nhãn hiệu Lexar bên ngoài có ghi “USB kèm theo KLGĐ số 508 ngày 05/11/2024” phù hợp Điều 106 của BLTTHS.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình truy tố bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[10] Đối với Hà Văn C gửi số tài khoản cho T để T cung cấp và nhận tiền chiếm đoạt của chị P, C không biết tiền là do T phạm tội mà có, T và C không trao đổi bàn bạc với nhau, sau khi C biết được tiền chuyển vào tài khoản của mình là do T phạm tội mà có đã tự nguyện giao nộp nên không có căn cứ xử lý đối với Hà Văn C là phù hợp.

Ngoài việc dùng hình ảnh khóa thân của chị P đe dọa chị P gửi tiền, T còn đe dọa chị P chụp thêm hình ảnh khóa thân của mình cho T hoặc đi nhà nghỉ quan hệ với T nhưng chị P không thực hiện và lựa chọn việc chuyển tiền cho T nên không xử lý những hành vi đe dọa này.

Đối với hành vi của Nguyễn Đình T thực hiện việc quay lén hình ảnh chị P đi tắm, T không đăng tải hình ảnh cá nhân của chị P lên các trang mạng xã hội và chưa gửi cho ai chỉ lưu trữ trên máy tính bàn và điện thoại của T, Kết luận giám định Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đ của ngày 04/11/2024, kết luận 01 tệp tin video và 09 tệp tin hình ảnh do T lưu giữ không phải là văn hoá phẩm xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ, không thuộc thẩm quyền quản lý của Sở V, tổ giám định tập thể thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đ không có chức năng giám định tư pháp đối với các nội dung tại tệp tin của T đã lưu giữ. Sau đó T, sử dụng hình ảnh để đe dọa chị P nên không xử lý về hành vi khác.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a, c khoản 1 điều 47 của BLHS; Điều 89, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

2.1. Chấp nhận Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 748/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 05/11/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện K, trả lại cho chị Đỗ Thị P số tiền 4.000.000 đồng theo biên bản trả lại tài sản ngày 05/11/2024.

2.2. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY M32, màu xanh và 01 (một) CPU màu đen.

2.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) màn hình máy tính để bàn nhãn hiệu AOC; 02 (hai) dây điện màu đen kết nối nguồn điện; 01 (một) dây điện màu đen, hai đầu nối màu trắng.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/12/2024 giữa Cơ quan CSĐT - Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

2.4 Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 (một) USB bên ngoài có ghi “ký hiệu USB”; 01 (một) USB dung lượng 4GB, ký hiệu “DTSE9” và 01 (một) USB màu đen, nhãn hiệu Lexar bên ngoài có ghi “USB kèm theo KLGĐ số 508 ngày 05/11/2024”.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS - CA huyện Krông
Nông;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Krông Nông;
- Chi cục THADS huyện Krông Nông;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Cảnh